

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2018/HNGĐ-ST
Ngày 15-6-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 145/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thanh Th, sinh năm 1984; địa chỉ: Số nhà 182 Tổ 3, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: Số nhà 182 Tổ 3, khu phố Tân Long, phường Tân Hiệp, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thanh Th trình bày:

Về hôn nhân: Bà Võ Thanh Th và ông Nguyễn Văn T có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 04 năm và tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã P (nay là phường T), huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương theo

Giấy chứng nhận kết hôn số 193, quyền số 01/2003 ngày 16/10/2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng nhau. Hơn nữa, ông T không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc con cái, gia đình và có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả nên bà Th đã đưa các con về nhà mẹ ruột sinh sống và vợ chồng đã không còn sống chung từ đó đến nay. Bà Th nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Th yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà Th và ông T có hai con chung là Nguyễn Võ Quốc V, sinh ngày 26/4/2004 và Nguyễn Võ Hương G, sinh ngày 03/4/2006. Khi ly hôn, bà Th yêu cầu nuôi dưỡng cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Văn T không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Theo kết quả xác minh tại Công an phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương thì ông Nguyễn Văn T có đăng thường trú tại địa chỉ số nhà 182 Tổ 3, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Về mâu thuẫn vợ chồng của bà Th và ông T chính quyền địa phương không rõ.

Các con chung của bà Th và ông T là cháu Nguyễn Võ Quốc V và Nguyễn Võ Hương G có văn bản trình bày ý kiến: Nếu cha mẹ ly hôn, cháu V và cháu G đều có nguyện vọng được sống với mẹ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã T hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Bà Võ Thanh Th và ông Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã P (nay là phường T), huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 193, quyền số 01/2003, ngày

16/10/2003, là hôn nhân hợp pháp. Bà Th trình bày vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng nhau, ông T không quan tâm chăm sóc con cái, gia đình và có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Hiện tại vợ chồng không còn sống cùng nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn. Ông T không đến Tòa án và không có văn bản trình bày ý kiến nên yêu cầu ly hôn của bà Th là có căn cứ. Về con chung, bà Th yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Võ Quốc V và Nguyễn Võ Hương G, xét thấy các con chung đều đang sống cùng bà Th và có nguyện vọng sống cùng bà Th nên bà Th yêu cầu được nuôi các con chung là có căn cứ. Về cấp dưỡng nuôi con, bà Th không yêu cầu nên ghi nhận sự tự nguyện của bà Th. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thanh Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1.2] Nguyên đơn bà Võ Thanh Th có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử xử T hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hệ hôn nhân: Bà Võ Thanh Th và ông Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã P (nay là phường T), huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 193, quyển số 01/2003, ngày 16/10/2003, là hôn nhân hợp pháp. Bà Th xác định hiện nay vợ chồng không còn sống chung và không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn. Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông T không đến Tòa án cho thấy ông T không thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, đồng thời bà Th kiên quyết ly hôn. Do vậy, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Th và ông T mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc bà Th yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Th yêu cầu được nuôi hai con chung tên Nguyễn Võ Quốc V, sinh ngày 26/4/2004 và Nguyễn Võ Hương G, sinh ngày 03/4/2006. Xét thấy, hiện tại các con chung đang sống cùng bà Th, bà Th có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung và các con chung có nguyện

vọng sống cùng bà Th. Do vậy, yêu cầu được nuôi con của bà Th là có căn cứ chấp nhận quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí tự nguyện của bà Th.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí: Bà Võ Thanh Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thanh Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Võ Quốc V, sinh ngày 26/4/2004 và Nguyễn Võ Hương G, sinh ngày 03/4/2006 cho bà Võ Thanh Th trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Th về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Võ Thanh Th và ông Nguyễn Văn T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Võ Thanh Th phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013841 ngày 04/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- Chi cục THADS thị xã T (01);
- UBND phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu VT, HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết